

PHÂN TÍCH YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA KẾ TOÁN VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trần Thị Thanh Huyền*, Hoàng Thị Mai Anh, Nguyễn Ngọc Mai

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: tranhuyen@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 09.07.2020

Ngày chấp nhận đăng: 09.09.2020

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ học tập của sinh viên khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Nghiên cứu điều tra 190 sinh viên của Khoa bằng phương pháp Cronbach alpha, phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy. Kết quả đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ học tập của sinh viên gồm các yếu tố thuộc về bản thân sinh viên, yếu tố thuộc nhóm bạn bè xã hội và các yếu tố khác. Từ đó nghiên cứu đề xuất những giải pháp nhằm thúc đẩy động cơ học tập của sinh viên.

Từ khóa: Động cơ, học tập, sinh viên.

Analysis of Factors Affecting the Students's Learning Motivation of the Faculty of Accounting and Bussiness Management, Vietnam National University of Agriculture

ABSTRACT

The purpose of this research was analysing the factors affecting the students's learning motivation of the Faculty of Accounting and Bussiness Management, Vietnam National University of Agriculture. This study surveyed 190 students with Cronbach's alpha method, Exploratory Factor Analysis, regression analysis. Results showed that the factors affecting the students's learning motivation were students themselves, friends and societies, and others. Then this research proposed some solutions to promote student's learning motivation.

Keywords: Motivation, learning, students.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Động cơ học tập là khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập (Bomia & cs., 1997), là sự nỗ lực cố gắng để hoàn thành có kết quả một công việc nào đó (Dubrin, 2008). Động cơ học tập gắn bó chặt chẽ và không thể tách rời với việc học (O'Rourke & Ortony, 1994). Động cơ học tập sẽ ảnh hưởng đến thái độ học tập, từ đó ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Nguyễn Thạc (2009) khẳng định hoạt động học tập ở đại học là một loại hoạt động tâm lý được tổ chức một cách độc đáo của sinh viên nhằm mục đích có ý thức là chuẩn bị trở thành người chuyên gia phát triển toàn diện, sáng tạo và có

trình độ nghiệp vụ cao. Học tập chỉ thực sự mang lại hiệu quả đối với người học khi và chỉ khi người đó chủ động, tích cực tập trung vào hành vi và thao tác học. Nghiên cứu về động cơ học tập của sinh viên đại học là vấn đề được quan tâm. Nguyễn Bình Giang & Dương Thống Nhất (2014) nghiên cứu về động cơ học tập của sinh viên Đại học Bình Dương. Hoàng Mỹ Nga & Nguyễn Tuất Kiệt (2016) đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. Nguyễn Thị Tú (2017) đã nghiên cứu các biện pháp kích thích động cơ học tập cho sinh viên đang học hệ văn bằng 2 tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Bá Châu (2018) nghiên cứu về thực trạng các yếu tố ảnh

hưởng đến động cơ học tập của sinh viên Đại học Hồng Đức.

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh là một trong những khoa lớn của Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Năm 2019, số sinh viên nhập học của khoa chiếm 23,7% số sinh viên toàn học viện (Ban Quản lý đào tạo, 2019). Khoa có bề dày kinh nghiệm hơn 50 năm trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, kinh doanh nông nghiệp và kế toán doanh nghiệp (Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, 2020). Tạo động lực học tập, từ đó nâng cao kết quả học tập của sinh viên luôn được khoa rất quan tâm. Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu chi tiết về vấn đề này. Bài viết này nhằm mục đích phân tích động cơ học tập và các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, từ đó đưa ra giải pháp giúp thúc đẩy động cơ học tập của sinh viên trong khoa.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Bên cạnh việc tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin thứ cấp qua các báo cáo của Khoa, bài báo khoa học về động cơ học tập của sinh viên, nhóm tác giả tiến hành điều tra online đối với sinh viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh. Kích thước mẫu tùy thuộc vào các phương pháp ước lượng trong nghiên cứu và có nhiều quan điểm khác nhau. Theo Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), quy tắc xác định cỡ mẫu cho phân tích nhân tố là số quan sát (kích thước mẫu) phải bằng 4 hay 5 lần số biến trong phân tích nhân tố. Green (1991) cho rằng cỡ mẫu tối thiểu cần có trong hồi quy được tính bằng công thức $50 + 8m$ (m là số biến độc lập). Trong nghiên cứu, nhóm tác giả xây dựng mô hình hồi quy với 4 biến độc lập, tức là kích thước mẫu tối thiểu là 82. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tiến hành phân tích nhân tố khám phá với 19 biến nên kích thước mẫu cần đạt là 76. Nhóm đã gửi phiếu online ngẫu nhiên cho sinh viên của Khoa và thu về 190 phiếu hợp lệ.

2.2. Phương pháp phân tích

- Sử dụng hệ số tương quan Cronbach alpha để loại các biến không phù hợp trong từng nhóm cho trước. Các biến có hệ số tương quan Cronbach alpha giữa biến nhân tố ảnh hưởng X_{ij} đến biến tổng X_i (bình quân của nhóm) có giá trị nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại (Nunally & Burstein, 1994). Các biến được lựa chọn khi có hệ số tương quan có trị số từ 0,6 trở lên (Hair & cs., 2006).

- Sau khi lựa chọn xong các biến X_{ij} thuộc mỗi nhóm, phương pháp EFA được sử dụng để lựa chọn các biến X_{ij} ảnh hưởng tới động cơ học tập của sinh viên khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh (biến Y). Nghiên cứu sử dụng kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) và Bartlett's Test để kiểm tra mức độ phù hợp của dữ liệu. Nếu KMO $< 0,5$ thì phân tích nhân tố có khả năng không thích hợp với dữ liệu, các biến sử dụng không tương quan với nhau (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Tiếp theo, nghiên cứu sử dụng phương pháp rút trích Principal component và phép quy ma trận phổ biến Varimax, với hệ số tải nhân tố $> 0,3$. Các biến chỉ được chấp nhận khi trọng số $> 0,5$ các trọng số tải của chính nó ở nhân tố khác $< 0,3$ (Igarria & cs, 1995) hoặc khoảng cách giữa hai trọng số tải cùng một biến ở hai nhân tố khác nhau lớn hơn 0,3. Thang đo chỉ được chấp nhận với tổng phương sai trích (Cumulative) lớn hơn 50% (Anderson & Gerbing 1998).

- Sau phân tích nhân tố khám phá, các nhóm yếu tố ảnh hưởng được sắp xếp lại, nhóm tiến hành kiểm tra mối quan hệ tương quan giữa động cơ học tập với các nhóm yếu tố này bằng hệ số tương quan Person. Giá trị sig $< 0,05$ mới có tương quan. Hệ số tương quan Pearson càng tiến về 1 càng tương quan mạnh. Ngược lại, hệ số này càng tiến gần về 0 thì tương quan càng yếu.

- Sử dụng hàm hồi quy với các biến từ kết quả chọn lọc của các bước trên. Biến phụ thuộc Y phản ánh động cơ học tập của sinh viên khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh. Mô hình tuyến tính có dạng: $Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4$

Trong đó:

Y : Biến đại diện cho động cơ học tập của sinh viên

X_1, X_2, X_3, X_4 : Biến thể hiện yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên (bản thân sinh viên, gia đình, nhà trường, bạn bè và xã hội)

β_0 : hằng số; $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4$, là các hệ số hồi quy.

Các biến được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ (1. Rất không đồng ý đến 5. Rất đồng ý).

2.3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra quan điểm của mình về động cơ học. Theo Đoàn Huy Oánh (2004) động cơ thúc đẩy học tập là trạng thái nội tâm lâu dài có hiệu lực giúp học sinh duy trì hứng thú và ham muốn tìm tòi học hỏi, vượt qua những trở ngại. Phan Trọng Ngọ (2005) khẳng định động cơ học tập của học viên là cái mà việc học của họ phải đạt được để thỏa mãn nhu cầu của mình. Tác giả Hồ Ngọc Đại (2010) cho rằng mỗi mục đích học tập là một biểu hiện cụ thể của một khâu trong chuỗi logic của đối tượng học tập. Như vậy, quá trình đạt mục đích học tập cũng là quá trình hình thành động cơ trong điều kiện cụ thể xác định của tiến trình hoạt động học tập. Theo Nguyễn Bình Giang & cs. (2014) động cơ học tập là các mục đích khác nhau trong quá trình học tập. Có 6 mục đích được đề cập tới là: được học hỏi, tiếp thu kiến thức; có bằng đại học; có điểm số học tập tốt; có kỹ năng thực hành nghề; được thầy cô và cha mẹ khen ngợi; tranh đua, khẳng định vị thế bản thân. Hoàng Mỹ Nga & cs. (2016) khẳng định động cơ học tập bao gồm động lực hoàn thiện tri thức và động lực quan hệ xã hội. Các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ học tập thường được chia thành nhóm yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài. Cụ thể, Leonchiep (1989), Nguyễn Quang Uẩn & cs. (2003), Phan Duy Ngọ (2005) khẳng định động cơ học tập gồm động cơ bên trong và động cơ bên ngoài. Động cơ bên trong bắt nguồn từ nhu cầu, sự ham hiểu biết hay sự quan tâm của cá nhân đến đối tượng đích thực trong học tập. Động cơ bên ngoài bắt nguồn từ viễn cảnh sẽ có một phần thưởng hay hình phạt, làm hài lòng giáo viên, sự ngưỡng mộ của bạn bè. Nguyễn Thị Thu Trang (2010), động cơ học tập bị tác động bởi những nhân tố nội vi và nhân tố ngoại vi. Trong đó, nhân tố nội vi là những nhân

tố có ngay trong mỗi cá nhân và ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình học tập như lý do học, quan điểm nhận thức của bản thân, cảm xúc của người học. Nhân tố ngoại vi là môi trường xã hội và các điều kiện môi trường học tập như ảnh hưởng của giáo viên, vai trò của cha mẹ, bạn bè, tài liệu giảng dạy và học tập, môi trường giảng dạy và học tập. Nguyễn Bá Châu (2018) khẳng định động cơ học tập của sinh viên chịu ảnh hưởng của nhân tố chủ quan và khách quan. Nhân tố chủ quan thuộc bản thân sinh viên. Nhân tố khách quan là gia đình, nhà trường, bạn bè và xã hội. Nghiên cứu tiếp cận theo quan điểm của Nguyễn Bá Châu. Tuy nhiên, thay vì dùng phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh, để chỉ ra mức độ ảnh hưởng (nhiều, bình thường, ít) của từng yếu tố thuộc bản thân sinh viên, gia đình, nhà trường, bạn bè và xã hội tới động cơ học tập của sinh viên, tác giả sử dụng phương pháp phân tích hồi quy để chỉ ra sự ảnh hưởng của các yếu tố tới động cơ học tập của sinh viên khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

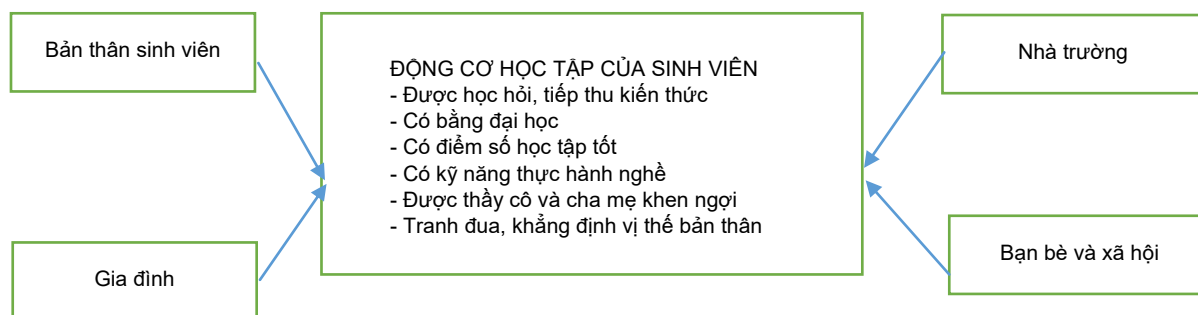
Theo hình 1, mô hình gồm 19 biến được chia thành 4 nhóm phản ánh các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên. Các biến này được đo lường bằng sự đánh giá của sinh viên theo thang đo Likert 5 mức độ (1. Rất không đồng ý đến 5. Rất đồng ý). Khi đó, giá trị khoảng cách là 0,8 và ý nghĩa của các mức lần lượt là 1,00-1,80: Rất không đồng ý; 1,81-2,60: Không đồng ý; 2,61-3,40: Bình thường; 3,41-4,20: Đồng ý và 4,21-5,00: Rất đồng ý.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của mẫu điều tra

Số sinh viên được điều tra chủ yếu là nữ, chiếm trên 82%. Sinh viên ngành quản trị kinh doanh chiếm gần 60%, tiếp đó là ngành kế toán và chỉ có chưa đến 4% sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp. Điều này phản ánh phần nào thực trạng sinh viên của khoa. Số lượng sinh viên nữ trong khoa chiếm ưu thế, đặc biệt với ngành kế toán. Số lượng sinh viên của khoa tuyển sinh khá ổn định và sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp chiếm tỷ lệ thấp nhất trong khoa.

Phân tích yếu tố ảnh hưởng tới động cơ học tập của sinh viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Bảng 1. Diễn giải các biến trong mô hình

Nhân tố	Biến quan sát	Mã hóa biến
Động cơ học tập	Được học hỏi, tiếp thu kiến thức	DC1
	Có bằng đại học	DC2
	Có điểm số học tập tốt	DC3
	Có kỹ năng thực hành nghề	DC4
	Được thầy cô và cha mẹ khen ngợi	DC5
	Tranh đua, khẳng định vị thế bản thân	DC6
Bản thân sinh viên	Tính cách bản thân	SV1
	Niềm tin vào ngành đang học	SV2
	Hứng thú học tập	SV3
	Khả năng học tập của bản thân	SV4
	Ý thức tự khẳng định năng lực học tập của bản thân	SV5
	Tính cách của bản thân	SV6
Gia đình	Sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ	GD1
	Định hướng nghề nghiệp của gia đình	GD2
	Sự trách phạt của cha mẹ	GD3
	Truyền thống học tập của gia đình, dòng họ	GD4
Nhà trường	Cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường	NT1
	Uy tín của khoa, ngành, trường đào tạo	NT2
	Phong trào nghiên cứu khoa học, hỗ trợ việc làm, tổ chức Đoàn - Hội Sinh viên	NT3
	Trình độ, năng lực của giảng viên	NT4
	Đạo đức, uy tín, tác phong của giảng viên	NT5
Bạn bè và xã hội	Sự động viên giúp đỡ của bạn bè	BBXH1
	Sự cạnh tranh của các cá nhân trong lớp	BBXH2
	Nhu cầu ngành nghề trong thực tế	BBXH3
	Những đòi hỏi của xã hội về trình độ, năng lực,... đáp ứng công việc	BBXH4

Nguồn: Kết quả điều tra, 2020.

3.2. Động cơ học tập của sinh viên

Kiểm định chi bình phương cho thấy giới tính sinh viên không ảnh hưởng tới động cơ học

tập. Khóa học và ngành học có mối liên hệ tới động cơ học tập (Bảng 2). Theo bảng 3, điểm trung bình của các động cơ là cao và khá đồng đều. Điều này thể hiện sinh viên có động cơ học

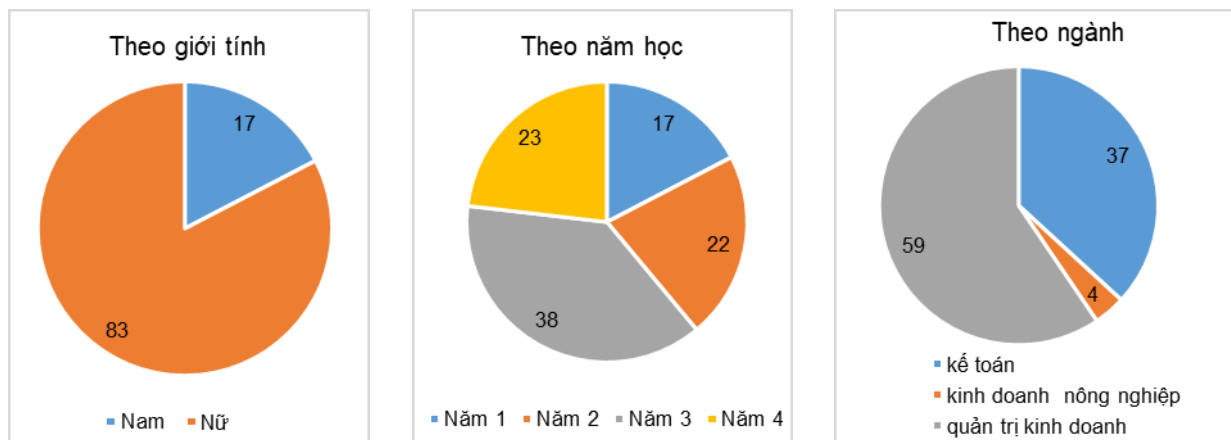
tập đa dạng. Sinh viên có động cơ hoàn thiện tri thức (có bằng đại học, có điểm số tốt, có kỹ năng thực hành, được học hỏi, tiếp thu kiến thức) và động cơ quan hệ xã hội (được thầy cô và cha mẹ khen ngợi, tranh đua, khẳng định vị thế bản thân).

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ học tập của sinh viên

Các yếu tố ảnh hưởng tới động học tập của sinh viên khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh bao gồm 19 chỉ tiêu thuộc 4 nhóm yếu tố: thuộc bản thân sinh viên, gia đình, nhà trường, bạn bè và xã hội. Sau khi thu thập số liệu, nhóm tác giả sử dụng hệ số cronbach's alpha để đánh giá độ tin cậy của thang đo. Tất cả 4 nhóm đều có hệ số cronbach's alpha $>0,6$. Tuy nhiên, ở nhóm nhân tố thuộc về nhà trường, tiêu chí 1 có hệ số quan sát biến tổng $<0,3$ nên bị loại khỏi mô hình. Các biến còn lại đều được chấp nhận (Bảng 4).

Kết quả xử lý SPSS cho ma trận xoay lần 1 có tổng phương sai trích đạt giá trị 62,380% > 50%. Tuy nhiên, biến quan sát GD3 không đạt yêu cầu về hệ số tải nhân tố. Kết quả xoay ma trận lần 2 khi bỏ biến GD3 có hệ số KMO = 0,906 > 0,5 đảm bảo thỏa mãn điều kiện và kiểm định Barlett = 1.467,730 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 < 0,5 thỏa mãn nhu cầu (Bảng 5). Tổng phương sai trích là 58,190% > 50% đạt tiêu chuẩn. Như vậy 17 biến còn lại và nhóm nhân tố có liên hệ chặt chẽ với nhau. Sau khi đặt lại tên cho các nhân tố mới (Bảng 6), tác giả tiến hành kiểm định lại độ tin cậy của thang đo. Hệ số Cronbach's alpha của 4 nhóm đều lớn hơn 0,6 và không có biến nào có hệ số tương quan tổng nhỏ hơn 0,3. Như vậy các biến đều đạt tiêu chuẩn (Bảng 7).

Sau khi xác định từng biến quan sát trong từng nhân tố và kiểm định thang đo mới, nghiên cứu phân tích ma trận hệ số điểm nhân tố để xem xét từng biến quan sát sẽ ảnh hưởng như thế nào tới động cơ học tập của sinh viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh (Bảng 8).



Biểu đồ 1. Cơ cấu mẫu điều tra (%)

Bảng 2. Trích dẫn kết quả kiểm định Chi bình phương về động cơ học tập của sinh viên theo khóa và theo ngành

Tiêu thức	Động cơ	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Theo khóa	Có bằng đại học	8.701 ^a	3	0,034
	Có điểm số học tập tốt	8.279 ^a	3	0,041
	Được thầy cô, cha mẹ khen ngợi	22.454 ^a	6	0,001
Theo ngành	Được thầy cô, cha mẹ khen ngợi	12.785 ^a	4	0,012

Ghi chú: a - số ô trong bảng chéo có tần suất mong đợi nhỏ hơn 5 chiếm dưới 20%.

Bảng 3. Động cơ học tập của sinh viên

Động cơ học tập	Ngành học				Năm học								Điểm trung bình chung	Ý nghĩa
	Kế toán		QTKD		Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4			
	Dung lượng mẫu (SV)	Điểm trung bình	Dung lượng mẫu (SV)	Điểm trung bình	Dung lượng mẫu (SV)	Điểm trung bình	Dung lượng mẫu (SV)	Điểm trung bình	Dung lượng mẫu (SV)	Điểm trung bình	Dung lượng mẫu (SV)	Điểm trung bình		
Có bằng đại học	70	4,44	113	4,52	34	4,71	41	4,51	72	4,40	43	4,47	4,49	Rất đồng ý
Có điểm số học tập tốt	70	4,47	113	4,56	34	4,68	41	4,41	72	4,39	43	4,44	4,46	Rất đồng ý
Có kỹ năng thực hành nghề	70	4,47	113	4,37	34	4,56	41	4,38	72	4,38	43	4,47	4,42	Rất đồng ý
Được thầy cô và cha mẹ khen ngợi	70	4,57	113	4,25	34	4,29	41	4,38	72	4,38	43	4,53	4,37	Rất đồng ý
Tranh đua, khẳng định vị thế bản thân	70	4,40	113	4,30	34	4,38	41	4,32	72	4,32	43	4,42	4,34	Rất đồng ý
Được học hỏi, tiếp thu kiến thức	70	4,21	113	4,22	34	4,24	41	4,07	72	4,26	43	4,3	4,23	Rất đồng ý

Bảng 4. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Nhân tố tác động	Cronbach's Alpha		Mã hóa	Hệ số tương quan tổng biến	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Sinh viên	0,805	Tính cách bản thân	SV1	0,420	0,807
		Ý thức tự giác học tập	SV2	0,439	0,806
		Niềm tin vào ngành đang học	SV3	0,514	0,786
		Hứng thú học tập	SV4	0,661	0,753
		Khả năng học tập của bản thân	SV5	0,720	0,739
		Ý thức tự khẳng định năng lực học tập của bản thân	SV6	0,657	0,754
Gia đình	0,754	Sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ	GD1	0,634	0,650
		Định hướng nghề nghiệp của gia đình	GD2	0,610	0,663
		Sự trách phạt của cha mẹ	GD3	0,440	0,756
		Truyền thống học tập của gia đình, dòng họ	GD4	0,526	0,710
Nhà trường	0,824	Uy tín của khoa, ngành, trường đào tạo	NT2	0,637	0,784
		Phong trào nghiên cứu khoa học, hỗ trợ việc làm, tổ chức Đoàn - Hội Sinh viên	NT3	0,671	0,771
		Trình độ, năng lực của giảng viên	NT4	0,699	0,755
		Đạo đức, uy tín, tác phong của giảng viên	NT5	0,600	0,805
Bạn bè – Xã hội	0,656	Sự động viên giúp đỡ của bạn bè	BBXH1	0,343	0,652
		Sự cạnh tranh của các cá nhân trong lớp	BBXH2	0,594	0,480
		Nhu cầu ngành nghề trong thực tế	BBXH3	0,449	0,580
		Những đòi hỏi của xã hội về trình độ, năng lực, đáp ứng công việc	BBXH4	0,378	0,627

Bảng 5. Kết quả kiểm định KMO và Barlett

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,906
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1467,730
	df	136
	Sig.	0,000

Trước khi phân tích hồi quy, nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm định Person. Các giá trị ý nghĩa thống kê đều nhỏ hơn 0,05 nghĩa là biến độc lập có quan hệ tuyến tính với biến phụ thuộc. Bảng 9 cho thấy, các nhân tố độc lập của mô hình có thể giải thích được 63,9% sự biến thiên động cơ học tập của sinh viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh (R^2 hiệu chỉnh = 0,639). Kết quả kiểm định Anova cho thấy F có giá trị dương với mức ý nghĩa thống kê <1% chứng tỏ mô hình đề xuất phù hợp với thực tế.

Như vậy, theo bảng 8 và 9, các yếu tố trong

mô hình đều có ảnh hưởng cùng chiều tới động cơ học tập của sinh viên. Nghĩa là động cơ học tập của sinh viên tăng hoặc giảm khi tăng hoặc giảm các nhân tố tác động. Trong đó, nhân tố tác động mạnh nhất thuộc nhóm “yếu tố khác”, theo sau là “yếu tố thuộc về sinh viên” và yếu nhất là “yếu tố thuộc bạn bè và xã hội”. Nhóm yếu tố khác bao gồm 11 chỉ tiêu với phương trình là:

$$\text{Nhân tố khác} = 0,151 \text{ NT2} + 0,151 \text{ NT4} + 0,145 \text{ NT3} + 0,136 \text{ NT5} + 0,136 \text{ SV3} + 0,136 \text{ SV5} + 0,130 \text{ GD1} + 0,120 \text{ SV4} + 0,107 \text{ GD2} + 0,104 \text{ SV6} + 0,100 \text{ GD4}.$$

Bảng 6. Nhân tố khám phá EFA của các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên khoa Kế toán và quản trị kinh doanh

Biến quan sát	Nhân tố			Đặt tên nhân tố mới
	1	2	3	
SV5	0,816			Khác
NT3	0,778			
GD1	0,762			
SV4	0,757			
NT5	0,743			
SV6	0,734			
GD2	0,728			
NT4	0,725			
NT2	0,700			
SV3	0,688			
GD4	0,605			
BBXH1		0,747		Bạn bè, xã hội
BBXH2		0,741		
BBXH3		0,643		
BBXH4		0,565		
SV1			0,809	Sinh viên
SV2			0,776	

Bảng 7. Kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo mới

Nhân tố tác động	Cronbach's alpha	Biến quan sát	Hệ số tương quan tổng biến	Cronbach's alpha nếu loại biến
Sinh viên	0,669	SV1	0,505	
		SV2	0,505	
Bạn bè xã hội	0,656	BBXH1	0,343	0,652
		BBXH2	0,594	0,480
		BBXH3	0,449	0,580
		BBXH4	0,378	0,627
Khác	0,920	SV3	0,618	0,916
		SV4	0,727	0,910
		SV5	0,806	0,906
		SV6	0,725	0,910
		GD1	0,727	0,910
		GD2	0,701	0,912
		GD4	0,572	0,918
		NT2	0,588	0,917
		NT3	0,720	0,911
		NT4	0,636	0,915
		NT5	0,703	0,912

Bảng 8. Ma trận hệ số điểm nhân tố

Biến quan sát	Nhân tố		
	Nhân tố khác	Bạn bè, xã hội	Sinh viên
BBXH1		0,465	
BBXH2		0,350	
BBXH3		0,319	
BBXH4		0,271	
NT2	0,151		
NT3	0,145		
NT4	0,151		
NT5	0,136		
SV1			0,578
SV2			0,535
SV3	0,136		
SV4	0,120		
SV5	0,136		
SV6	0,104		
GD1	0,130		
GD2	0,107		
GD4	0,100		

Bảng 9. Hệ số ảnh hưởng của các biến yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh

Nhóm yếu tố	Biến quan sát	Hệ số (β)	VIF
Hệ số tự do		2,338***	
Sinh viên	X1	0,142***	1,330
Bạn bè, xã hội	X2	0,088*	1,216
Khác	X3	0,761***	1,169
R ²		0,639	
F		112,305	
Sig(F)		0,000	

Ghi chú ***, **, * tương ứng với mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

Trong nhóm yếu tố khác, các yếu tố thuộc về nhà trường có ảnh hưởng nhiều hơn tới động cơ học tập của sinh viên, đặc biệt là uy tín của khoa, ngành, trường đào tạo (NT2), trình độ năng lực của giảng viên (NT4) và phong trào nghiên cứu khoa học, hỗ trợ việc làm, tổ chức Đoàn - Hội Sinh viên (NT3). Tiếp đó là các yếu tố thuộc về sinh viên như niềm tin vào ngành đang học (SV3) và khả năng học tập của bản thân (SV5). Ngoài ra, các yếu tố thuộc về gia

đình, đặc biệt là sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ (GD1) cũng ảnh hưởng tích cực tới động cơ học tập của sinh viên. Điều này cũng đã được khẳng định trong nghiên cứu của Hoàng Mỹ Nga & cs. (2018). Uy tín của ngành, khoa, trường đào tạo; trình độ, năng lực, đạo đức, uy tín, tác phong của giảng viên; sự quan tâm của cha mẹ ảnh hưởng tích cực tới động cơ học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, sinh viên có niềm tin vào ngành đang học, có ý thức tự khẳng định

năng lực học tập, có hứng thú trong quá trình học tập sẽ thúc đẩy động cơ học tập của họ. Nghiên cứu của Nguyễn Minh Châu (2018) cũng quan điểm khi khẳng định các yếu tố thuộc giảng viên, sự quan tâm của cha mẹ ảnh hưởng nhiều tới động cơ học tập của sinh viên.

Nhóm yếu tố thuộc về sinh viên gồm 2 tiêu thức với phương trình là: $SV = 0,578 SV1 + 0,535 SV2$. Phương trình cho thấy, tính cách bản thân (SV1) và ý thức tự giác học tập (SV2) có vai trò gần như ngang nhau trong việc ảnh hưởng tới động cơ học tập của sinh viên. Kết quả này tương đồng với nguyên cứu của Nguyễn Minh Châu (2018). Nguyễn Minh Châu (2018) khẳng định ý thức tự giác học tập là yếu tố bên trong ảnh hưởng nhiều nhất tới động cơ học tập của sinh viên.

Nhóm yếu tố bạn bè và xã hội gồm 4 tiêu thức với phương trình là: $BBXH = 0,465 BBXH1 + 0,350 BBXH2 + 0,319 BBXH3 + 0,271 BBXH4$. Trong nhóm yếu tố này, sự động viên giúp đỡ của bạn bè (BBXH1) có ảnh hưởng nhiều nhất tới động cơ học tập của sinh viên, tiếp đó là sự cạnh tranh của các cá nhân trong lớp (BBXH2), nhu cầu ngành nghề trong thực tế (BBXH3) và cuối cùng là những đòi hỏi của xã hội về trình độ, năng lực, đáp ứng công việc (BBXH4).

3.5. Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy động cơ học tập của sinh viên trong Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh

Động cơ học tập của sinh viên bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố xuất phát từ sinh viên, gia đình, nhà trường, bạn bè và xã hội. Kết quả mô hình chỉ ra để thúc đẩy động cơ học tập cho sinh viên cần những giải pháp đa dạng từ các bên liên quan. Về phía sinh viên, cần chủ động, tự giác trong quá trình học tập; tin tưởng vào ngành đang học. Về phía gia đình, cha mẹ cần dành nhiều thời gian quan tâm chăm sóc con cái, có sự định hướng cho con cái trong lựa chọn nghề nghiệp. Về phía Nhà trường, cần nâng cao chất lượng đào tạo để khẳng định uy tín của Nhà trường, của khoa và từng ngành đào tạo; cần tạo điều kiện nâng cao năng lực, trình độ của giảng viên; cần đẩy mạnh phong trào

nghiên cứu khoa học trong sinh viên; tổ chức đa dạng và có hiệu quả các hoạt động Đoàn - Hội; tổ chức các hội chợ hỗ trợ việc làm cho sinh viên. Về phía bạn bè và xã hội; cần thành lập các nhóm bạn học tập để động viên, giúp đỡ nhau trong quá trình học tập; tạo sự cạnh tranh giữa các nhóm và các cá nhân. Thêm vào đó, cần có những thống kê về nhu cầu nhân lực của các ngành nghề trong thực tế cũng như yêu cầu về năng lực cho từng ngành nghề.

4. KẾT LUẬN

Động cơ học tập của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Động cơ học tập của sinh viên Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam rất đa dạng, phong phú. Nhóm “yếu tố khác” gồm 11 tiêu chí ảnh hưởng nhiều nhất tới động cơ học tập của sinh viên, tiếp đó là nhóm “yếu tố thuộc về bản thân sinh viên” với 2 tiêu chí và cuối cùng là yếu tố thuộc về “bạn bè và xã hội” với 4 tiêu chí. Để thúc đẩy động cơ học tập cho sinh viên, bên cạnh sự cố gắng của mỗi sinh viên, sự quan tâm của gia đình, Nhà trường cần đặc biệt quan tâm tới nâng cao chất lượng đào tạo để khẳng định uy tín, tạo sự tin tưởng cho sinh viên trong quá trình học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson J.C. & Gerbing D.W. (1998). Structural equations modeling in practice: A review and recommended two-step approach. *Psychological Bulletin*. 103: 411-423.
- Bomia Lisa, Beluzo Lynne, Demeester Debra, Elander Keli, Johnson Mary & Sheldon Betty (1997). *The Impact of Teaching Strategies on Intrinsic Motivation*. Champaign, IL: ERIC Clearinghouse on Elementary and Early Childhood Education.
- DuBrin A. (2008). *Relaciones Humanas*. México: Pearson Educación de México, S.A. de C.V.
- Đoàn Huy Oánh (2004). *Tâm lý sư phạm*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Green D.A. (1991). Statistical quality control in retail banking. *International Journal of bank Marketing*. ISSN 026-2323. 9(2): 12-16.
- Hair J., Black W., Babin B., Anderson R. & Tatham R. (2006). *Multivariate Data Analysis*, 6th ed., Prentice-Hall International, Upper Saddle River, NJ.

- Nguyễn Bá Châu (2018). Nghiên cứu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức. *Tạp chí Giáo dục*. 6: 147-150.
- Nguyễn Thị Bình Giang & Dư Thống Nhất (2014). Động cơ học tập của sinh viên trường Đại học Bình Dương. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*. 34: 46-55.
- Hoàng Thị Mỹ Nga & Nguyễn Tuấn Kiệt (2016). Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*. 46: 107-115.
- Hồ Ngọc Đại (2010). *Tâm lý học dạy học*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nhà xuất bản Lao động xã hội. ISBN/ISSN 2012201000064.
- Lưu Hân Vũ (2018). Động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học*. 11: 123-130.
- Lêônchiép A.N. (1989). *Hoạt động - giao tiếp - nhân cách*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
- Magid Igbaria & Jack J. Baroudi (1995). The Impact of Job Performance Evaluations on Career Advancement Prospects: An Examination of Gender Differences in the IS Workplace. *Management Information Systems Research Center. University of Minnesota*. 1: 107-123.
- Nguyễn Thị Tú (2017). Các biện pháp kích thích động cơ học tập cho sinh viên đại học hệ văn bằng 2 tại trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học*. 4: 162-170.
- Nguyễn Thạc & Phạm Thành Nghị (2009). *Tâm lý học sư phạm đại học*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Lũy & Đinh Văn Vang (2003). *Giáo trình tâm lý học đại cương*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Paul O'Rorke & Andrew Ortony (1994). Explaining Emotions. *Cognitive science*. 18: 283-323.
- Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp học trong nhà trường*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Pintrich P.R (2003). A motivational science perspective on the role of student motivation in learning and teaching contexts. *Journal of Educational Psychology* 95(1): 1-14.
- Trần Thị Thu Trang (2010). Động cơ học tập và các yếu tố ảnh hưởng đến việc học ngoại ngữ. Truy cập từ: <https://pdfs.semanticscholar.org/6b65/ac680eec392acc734711e92580593552df53.pdf>, ngày 04/06/2020.